

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 18-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Hồng Nhung;

Ông Lã Xuân Trường;

Ông Chu Văn Mốt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-QĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/HSST-QĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/HSST-QĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với:

- *Bị cáo:* Nguyễn Thị T, sinh ngày 11/9/1989 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: Đường Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T và bà Đỗ Thị X; có chồng là Vương Đức C và 02 con; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Tài H, Luật sư Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị hại:* Đỗ Thị L, sinh năm 1981. Trú tại: Phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1989. Trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Đặng Đức H, sinh năm 1971. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Ông Trần Khánh V, sinh năm 1985. Trú tại: Phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Lê Khánh L, sinh năm 1991. Trú tại: Phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970. Trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Vương Đức C, sinh năm 1985. Trú tại: Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1991. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Cù Tiến T, sinh năm 1974. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Vũ Trí H, sinh năm 1974. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Tô Thị K, sinh năm 1987. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1980. Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1986. Trú tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Ông Tô Minh H, sinh năm 1986. Trú tại: Phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Bà Hoàng Thị Kim C, sinh năm 1990. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Ông Trần Như B, sinh năm 1992. Trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

16. Ông Triệu Thanh L, sinh năm 1985. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Bà Lý Thị N, sinh năm 1974. Trú tại: Xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Ông Dương Công D, sinh năm 1981. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2019, Nguyễn Thị T đến làm thuê tại nhà hàng Q tại phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do bà Đỗ Thị L làm chủ. Nhà hàng hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 14A8015574 do Phòng Tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp ngày 22/11/2018. Nguyễn Thị T được bà Đỗ Thị L giao nhiệm vụ thu ngân, có trách nhiệm ghi chép sổ sách và thu, chi hàng ngày, cuối ngày chốt sổ và tổng hợp rồi chuyển cho quản lý nhà hàng là Nguyễn Văn P để Nguyễn Văn P báo cáo bà Đỗ Thị L. Lợi dụng sự tin tưởng của bà Đỗ Thị L và sơ hở của Nguyễn Văn P trong việc quản lý thu chi tiền của nhà hàng, từ tháng 6/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Thị T đã thực hiện hành vi gian dối với nhiều hình thức khác nhau để chiếm đoạt tổng số tiền 543.996.000 đồng do Nguyễn Thị T quản lý với mục đích để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể chiếm đoạt các khoản tiền sau:

1. Tiền khách đến ăn thanh toán cho nhà hàng

Đối với các khách hàng đến ăn tại nhà hàng nhưng chưa thanh toán tiền thì Nguyễn Thị T ghi vào sổ nợ của nhà hàng. Sau đó khách thanh toán cho Nguyễn Thị T nhưng Nguyễn Thị T không nộp lại cho nhà hàng mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân; trong sổ nợ của nhà hàng vẫn thể hiện khách chưa thanh toán. Để che giấu hành vi phạm tội, Nguyễn Thị T cố ý ghi sai số điện thoại của khách trong sổ nợ để bà Đỗ Thị L và Nguyễn Văn P không liên lạc được. Đối với khách quen của nhà hàng đến ăn và hẹn hôm sau trả tiền, Nguyễn Thị T không thống kê trong sổ nợ của nhà hàng mà tự thống kê riêng, sau đó Nguyễn Thị T liên lạc để đòi tiền và chiếm đoạt. Căn cứ vào sổ sách và các hóa đơn chứng từ, xác định tổng số tiền Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt bằng hình thức này từ ngày 19/6/2019 đến ngày 31/3/2020 là 432.989.000 đồng.

Ngoài ra, một số khách hàng đến ăn tại nhà hàng đã thanh toán tiền mặt nhưng để có cơ sở thanh toán và đề nghị nhà hàng viết hóa đơn, khách hàng chuyển số tiền tương ứng với số tiền mặt đã thanh toán vào tài khoản của bà Đỗ Thị L và nhờ nhà hàng rút ra đưa lại cho khách. Nguyễn Thị T đã đề nghị nhà hàng cho lấy tiền mặt số tiền này để trả lại cho khách, nhưng sau khi nhận tiền Nguyễn Thị T không trả lại cho khách mà chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân. Căn cứ vào sổ sách và các hóa đơn, chứng từ xác định tổng số tiền Nguyễn Thị T chiếm đoạt bằng hình thức này là 23.147.000 đồng, gồm 10.000.000 đồng của Ban Q tỉnh Lạng Sơn; 4.847.000 đồng của Ngân hàng V chi nhánh Lạng Sơn; 8.300.000 đồng của Văn phòng H tỉnh Lạng Sơn.

2. Tiền để thanh toán cho người cung cấp thực phẩm, gas, rượu, gạo cho nhà hàng.

Quá trình hoạt động nhà hàng Q mua thực phẩm gồm rau, củ, quả các loại với ông Nguyễn Văn L. Thời gian đầu, Nguyễn Thị T thanh toán đầy đủ tiền cho ông Nguyễn Văn L nhưng từ tháng 6/2019 Nguyễn Thị T bắt đầu thanh toán thiếu

và ghi nợ với ông Nguyễn Văn L. Tính từ khoảng tháng 6/2019 đến tháng 3/2020, Nguyễn Thị T đã lấy tổng số tiền 275.160.000 đồng của nhà hàng nhưng chỉ sử dụng 210.234.000 đồng để thanh toán cho ông Nguyễn Văn L các khoản nợ từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2019, còn lại 64.926.000 đồng Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

Nhà cung cấp gas cho nhà hàng Q là ông Đặng Đức H. Từ tháng 8/2019 đến tháng 3/2020, Nguyễn Thị T đã lấy tổng số tiền 58.820.000 đồng của nhà hàng nhưng chỉ sử dụng 51.686.000 đồng để thanh toán tiền mua gas cho ông Đặng Đức H, còn lại 7.134.000 đồng Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt để tiêu sài cá nhân.

Nhà cung cấp rượu cho nhà hàng Q là Hợp tác xã B do bà Lê Khánh L là người đại diện cho Hợp tác xã thực hiện các giao dịch. Từ tháng 01/2020 đến tháng 4/2020, nhà hàng Q nợ 18.150.000 đồng mua rượu với Hợp tác xã B. Nguyễn Thị T đã lấy 13.000.000 đồng của nhà hàng nói là để thanh toán tiền mua rượu cho bà Lê Khánh L, tuy nhiên Nguyễn Thị T không thanh toán mà chiếm đoạt số tiền này để tiêu sài.

Người cung cấp gạo cho nhà hàng Q là bà Nguyễn Thị T1. Từ ngày 09/01/2020 đến ngày 26/3/2020, Nguyễn Thị T đã lấy tổng số tiền 2.800.000 đồng của nhà hàng nhưng không thanh toán tiền gạo cho bà Nguyễn Thị T1 mà chiếm đoạt số tiền này để tiêu sài cá nhân.

Trong số 543.996.000 đồng Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của nhà hàng, khoảng tháng 01/2020, Nguyễn Thị T đưa 50.000.000 đồng cho chồng là Vương Đức C mang đi trả nợ cho Nguyễn Thị T.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-P1 ngày 22/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị hại Đỗ Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Đỗ Thị L tại phiên tòa xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 300.000.000 đồng; không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 243.966.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố, xác định bị cáo Nguyễn Thị T đã lợi dụng sự tin tưởng của bà Đỗ Thị L, sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền 543.996.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 đến 10 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xác nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 300.000.000 đồng; tại Tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 243.966.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động; 01 chứng minh nhân dân.

Ý kiến người bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tại tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù cũng là thỏa đáng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; trả lại giấy chứng minh nhân dân và điện thoại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Từ tháng 6/2019 đến tháng 4/2020, Nguyễn Thị T làm nhân viên thu ngân tại nhà hàng Q, lợi dụng sự tin tưởng của chủ nhà hàng là bà Đỗ Thị L và sự sơ hở của quản lý nhà hàng là Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của nhà hàng Q tổng số tiền 543.966.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân, gây mất trật tự an ninh xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị T thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhiều lần. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng; bị hại Đỗ Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội; cần xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo bản thân trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm: Thành khẩn khai báo, tại Tòa đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại; cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng là thỏa đáng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa bị hại Đỗ Thị L xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng thể hiện tại Giấy trả tiền ngày 02/4/2021 giữa bà Đỗ Thị X (mẹ đẻ bị cáo) và bị hại Đỗ Thị L; bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường số tiền còn lại là 243.966.000 đồng, Hội đồng xét xử cần ghi nhận nội dung này.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chứng minh nhân dân và 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, ý kiến nào phù hợp với nhận định nêu trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T bị kết án, do đó bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

[13] Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với số tiền 50.000.000 đồng Nguyễn Thị T đã đưa cho Vương Đức C, khi đưa tiền Nguyễn Thị T đã nói với Vương Đức C đây là tiền lương và tiền vay thêm của bà Đỗ Thị L, Vương Đức C không biết số tiền này do Nguyễn Thị T phạm tội mà có. Sau khi nhận tiền, Vương Đức C đã sử dụng hết để trả cho những người mà Nguyễn Thị T nợ tiền, Vương Đức C không nhớ cụ thể đã trả cho ai do

Nguyễn Thị T nợ tiền của nhiều người. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, không có căn cứ để xem xét, xử lý hình sự đối với Vương Đức C.

[15] Ngoài ra, một số tài liệu do nhà hàng Q cung cấp thể hiện nhà hàng còn bị thất thoát khoản tiền 57.648.000 đồng. Kết quả điều tra xác định số tiền này do Nguyễn Văn P là quản lý nhà hàng không thực hiện tốt các khoản thu, chỉ dẫn đến thất thoát, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị T. Bà Đỗ Thị L không yêu cầu xem xét, xử lý đối với Nguyễn Văn P về số tiền này. Mặt khác, Nguyễn Văn P đã cam kết khắc phục hậu quả bằng cách trừ lương hàng tháng của bản thân để bù lại số tiền đã thất thoát. Do đó, không xem xét, xử lý đối với Nguyễn Văn P về số tiền 57.648.000 đồng nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; điểm a khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23; của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/7/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:

Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường được cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng); ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại 243.966.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 plus, màu hồng, số IMEI 352987104279403, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ; 01 CMND số 125739159 mang tên Nguyễn Thị T do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13/10/2016.

(Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/01/2021).

5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm